

Bản án số: 37/2024/DS-ST
Ngày: 31 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Tới, bà Nguyễn Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tiên, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tĩnh Biên, tỉnh An Giang tham
gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Kim Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tĩnh Biên
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11
năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 110/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn
phiên tòa số 84/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1978, nơi cư trú: tổ A, khóm
P, phường A, thị xã T, tỉnh An Giang; (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bi đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1987 và ông Nguyễn Văn T, sinh
năm 1985, cùng cư trú: tổ A, khóm P, phường A, thị xã T, tỉnh An Giang; (vắng
mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên
đơn bà Nguyễn Ngọc G (sau đây gọi tắt là bà G) trình bày: Do quen biết nên bà
cho vợ chồng bà C, ông T vay 05 lần, việc vay mượn không có làm giấy tờ, biên
nhận nhưng bà có ghi giấy theo dõi việc cho vay; khi vay, thỏa thuận lãi suất
10%/tháng, thỏa thuận khi nào có tiền thì trả không xác định thời hạn trả cụ thể;
mục đích vay bà C nói để mua đất, làm giấy tờ về đất, khi nào xong có tiền sẽ
trả; cụ thể:

Lần 01: ngày 06-4-2022, cho vợ chồng C, T vay 15.000.000 đồng;

Lần 02: ngày 06-5-2022, cho vợ chồng C, T vay 23.000.000 đồng;

Lần 03: ngày 05-6-2022, cho vợ chồng C, T vay 1.000.000 đồng;

Lần 04: ngày 05-8-2022, cho vợ chồng C, T vay 10.000.000 đồng;

Lần 05: ngày 22-8-2022, cho vợ chồng C, T vay 17.000.000 đồng;

Tổng cộng 05 lần vay là 66.000.000 đồng.

Từ khi vay đến nay, ông T, bà C không thực hiện việc trả lãi, trả vốn theo thỏa thuận. Bà có nhiều lần yêu cầu nhưng ông T, bà C vẫn không thực hiện việc trả vốn, lãi nên bà có gửi đơn đến Ban nhóm P, phường A để được giải quyết. Quá trình Ban nhóm mời làm việc bà C, ông T không đến, tại buổi hòa giải bà yêu cầu bà C, ông T trả số nợ gốc là 66.000.000 đồng; sự việc được hòa giải 03 lần và hòa giải không thành do vợ chồng bà C, ông T vắng mặt; khi kết thúc buổi hòa giải, bà được Ban nhóm thông báo lại bà C có gọi điện cho B nhóm, đồng ý trả mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng bà không đồng ý và khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu, theo đó, bà G chỉ yêu cầu bà Chi trả nợ vay 66.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 22-8-2022 cho đến ngày xét xử, rút lại yêu cầu ông T cùng có trách nhiệm liên đới với bà Chi trả nợ cho bà.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: giấy ghi nhận việc cho vay (bản đối chiếu); tờ tường trình ngày 30-7-2022; Biên bản không tiến hành hòa giải được lần 1, lần 2, lần 3 ngày 05-9-2023, ngày 11-9-2023 và ngày 15-9-2023 của Ban nhóm P, phường A (bản chính).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 30-7-2024; xác định vẫn giữ yêu cầu Tòa án buộc bà Chi trả nợ vay 66.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 22-8-2022 cho đến ngày Tòa án xét xử, rút lại yêu cầu ông T cùng có trách nhiệm liên đới với bà Chi trả nợ.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Văn T chưa thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo luật định, đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 280, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Mỹ Chi trả cho bà Nguyễn Ngọc G số tiền 66.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 22-8-2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền gốc 66.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc theo quy định pháp luật tính từ ngày 22-8-2022 cho đến ngày xét xử do nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Ngọc G khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Văn T trả nợ vay. Bà C, ông T đang cư trú trên địa bàn thị xã T nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, bà G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa; bà C, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà G, bà C, ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà G tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền gốc 66.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc theo quy định pháp luật tính từ ngày 22-8-2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đã rút theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ C có trách nhiệm trả số tiền nợ vay 66.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 22-8-2022 cho đến ngày Tòa án xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Việc giao kết, thực hiện hợp đồng vay:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà G trình bày, năm 2022, do quen biết nên bà G cho bà C vay nhiều lần tiền, việc vay mượn không có làm biên nhận nhưng bà G có ghi sổ theo dõi, khi vay thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, thỏa thuận khi nào bà C có tiền sẽ trả, mục đích vay để bà C lo thủ tục giấy tờ nhà đất, tính đến ngày 22-8-2022, bà G đã cho bà C vay 05 lần tiền, tổng cộng là 66.000.000 đồng. Sau khi vay, bà C không thực hiện việc trả lãi, trả vốn theo thỏa thuận. Bà G có gửi đơn đến Ban khóm P, phường A để được hòa giải nhưng quá trình Ban khóm mời làm việc bà C, ông T không đến; tại buổi hòa giải bà G yêu cầu bà C, ông T trả số nợ gốc 66.000.000 đồng; sự việc được hòa giải 03 lần và hòa giải không thành do vợ chồng bà C, ông T vắng mặt; khi kết thúc buổi hòa giải, Ban khóm có thông báo

cho bà về việc bà C đồng ý trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng bà không đồng ý và khởi kiện.

Kết quả xác minh tại B nhóm P, phường A ngày 28-5-2024 có nội dung: “Ban nhóm P có tiếp nhận, hòa giải vụ việc vay tiền giữa bà G với vợ chồng bà C, ông T và có lập biên bản không tiến hành hòa giải được lần 1, lần 2, lần 3 ngày 05-9-2023, ngày 11-9-2023 và ngày 15-9-2023. Quá trình hòa giải, thông qua điện thoại bà C thừa nhận có vay của bà G số tiền 66.000.000 đồng, xin được trả dần 1.000.000 đồng/tháng nhưng không đồng ý đến Ban nhóm làm việc”.

Lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung các biên bản không tiến hành hòa giải được lần 1, lần 2, lần 3 ngày 05-9-2023, ngày 11-9-2023 và ngày 15-9-2023 do B nhóm P lập và phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án tại Ban K ngày 28-5-2024.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án ban hành Thông báo số 26/2024/TB-TA ngày 16-5-2024 yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Văn T cung cấp lời khai và giao nộp, bổ sung tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung sự việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà C, ông T không thực hiện.

Vì vậy, có căn cứ xác định bà C có vay tiền của bà G, còn nợ lại 66.000.000 đồng và chưa thanh toán nợ.

[5] Việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà G yêu cầu bà Chi trả số tiền nợ vay 66.000.000 đồng và lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 22-8-2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Đối với yêu cầu trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 10%/năm từ ngày 22-8-2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, thấy rằng: Bị đơn bà C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn yêu cầu phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức 10%/năm là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Theo đó, tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả mà bà C phải thanh toán tính từ ngày 22-8-2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (31-7-2024) là:

$66.000.000 \text{ đồng} \times (10\%/365) \times 709 \text{ ngày} = 12.820.274 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng số nợ vay, lãi mà bà C còn nợ bà G là 78.820.274 đồng.

Do bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà G khởi kiện yêu cầu bà Chi trả nợ vay và yêu cầu trả lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, buộc bà Nguyễn Thị Mỹ C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc G nợ vay 78.820.274 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 78.820.274 đồng. nên phải chịu 3.941.014 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc G về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T cùng có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị Mỹ Chi t số nợ vay 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng) và lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 22-8-2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc G.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ C có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc G số nợ vay, lãi 78.820.274 đồng (Bảy mươi tám triệu, tám trăm hai mươi nghìn, hai trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu 3.941.014 đồng (Ba triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, không trăm mười bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Ngọc G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Nguyễn Ngọc G số tiền 1.650.000 đồng (Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010589 ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên

tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phí Thị Phương Nhung